

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027

(Lần thứ nhất)

STT	SBD	Họ tên học sinh	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Ghi chú
4	4,00	NGUYỄN CHÂU THÁI PHI	Nữ	27/12/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A12	
6	6,00	NGUYỄN TÀI TRƯỜNG	Nam	29/11/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A12	
7	030001	BÙI VÕ THUÝ AN	Nữ	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A12	
22	030020	HUỖNH GIA BẢO	Nam	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A12	
24	030023	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A12	
36	030036	LÊ MINH CHÂU	Nữ	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A12	
86	030088	LÊ HOÀNG GIA	Nam	23/05/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A12	
100	030103	BÙI THỊ THANH HẰNG	Nữ	15/01/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A12	
114	030118	TRẦN GIA HÂN	Nữ	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A12	
115	030120	ỪNG HOÀNG BẢO HÂN	Nữ	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A12	
131	030142	NGUYỄN QUỐC HUY	Nam	30/09/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A12	
153	030170	HỒ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A12	
173	030194	NGUYỄN PHÚ KHANG	Nam	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A12	
192	030214	LÊ XUÂN VIỆT KHOA	Nam	19/02/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A12	
208	030230	NGUYỄN MINH KHÔI	Nam	16/09/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A12	
209	030232	TRẦN MINH KHÔI	Nam	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A12	
211	030234	NGUYỄN NGỌC BẢO KHUYÊN	Nữ	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A12	
240	030265	NGÔ KIM LINH	Nữ	10/11/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A12	
247	030272	HUỖNH NGUYỄN TRÚC LY	Nữ	30/09/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A12	
266	030294	TÙ THỊ DIỄM MY	Nữ	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A12	
267	030295	VÕ TRƯỞNG DIỆU MY	Nữ	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A12	
294	030326	NHAN ĐẶNG THANH NGÂN	Nữ	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A12	
313	030349	NGÔ THANH NHẬT	Nam	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A12	
316	030353	ĐẶNG TRIỆU NHI	Nữ	28/10/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A12	
363	030407	NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯƠNG	Nữ	26/11/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A12	
372	030419	VÕ THỊ KIỀU QUY	Nữ	24/02/2011	Tỉnh Gia Lai	10A12	
374	030421	BÙI HUỖNH LỆ QUYÊN	Nữ	10/03/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A12	
375	030422	NGUYỄN BẢO QUYÊN	Nữ	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A12	
376	030423	NGUYỄN THỊ BẢO QUYÊN	Nữ	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A12	
388	030435	PHAN THỊ TÚ QUỲNH	Nữ	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A12	
390	030437	TRỊNH THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A12	
414	030463	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	16/07/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A12	
416	030465	NGÔ BẢO THI	Nữ	25/08/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A12	
431	030482	HUỖNH THỊ ANH THU'	Nữ	25/04/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A12	
435	030486	LÊ THỊ ANH THU'	Nữ	29/09/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A12	
476	030532	LÊ THỊ THANH TRÚC	Nữ	09/11/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A12	
489	030547	BÙI QUANG TUẤN	Nam	10/04/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A12	
490	030548	ĐỖ DUY TUẤN	Nam	11/02/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A12	
495	030553	TRẦN NGUYỄN QUANG TUYẾN	Nam	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A12	
497	030556	HUỖNH THỊ BẢO TY	Nữ	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A12	

498	030558	HÀ HOÀNG PHƯƠNG UYÊN	Nữ	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A12	
518	030579	NGUYỄN THỊ KIỀU VY	Nữ	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A12	
531	030592	NGUYỄN HOÀNG HẢI YẾN	Nữ	18/12/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A12	

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Bích Chiêu

A1	A2	A3	A4	A5	A6	A7	A8	A9	A10
40	40	40	40	43	39	39	38	39	41

A11	A12	A13
42	43	48